

Cần Thơ, ngày 17 tháng 10 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành Quy định đánh giá kết quả rèn luyện sinh viên
và Bảng điểm đánh giá kết quả rèn luyện sinh viên đối với sinh viên
Trường Đại học Y Dược Cần Thơ**

HIỆU TRƯỜNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y DƯỢC CẦN THƠ

Căn cứ Nghị định số 84/2020/NĐ-CP ngày 17/7/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Giáo dục;

Căn cứ Thông tư số 16/2015/TT-BGDĐT ngày 12/8/2015 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy chế đánh giá kết quả rèn luyện của người học được đào tạo trình độ đại học hệ chính quy;

Căn cứ Thông tư số 08/2021/TT-BGDĐT ngày 18/3/2021 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy chế đào tạo trình độ đại học;

Căn cứ Nghị quyết số 372/NQ-HĐT- ĐHYDCT ngày 27/01/2021 của Hội đồng trường Đại học Y Dược Cần Thơ ban hành Quy chế Tổ chức và hoạt động của Trường Đại học Y Dược Cần Thơ;

Xét đề nghị của Trưởng phòng Công tác sinh viên.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1: Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định đánh giá kết quả rèn luyện sinh viên và Bảng điểm đánh giá kết quả rèn luyện sinh viên đối với sinh viên Trường Đại học Y Dược Cần Thơ.

Điều 2: Quyết định này có hiệu lực từ học kỳ I năm học 2023-2024. Quyết định này thay thế Quyết định số 204/QĐ-ĐHYDCT ngày 14 tháng 3 năm 2017.

Điều 3: Trưởng phòng Hành chính tổng hợp, Trưởng phòng Công tác sinh viên, Trưởng phòng Đào tạo đại học, Trưởng phòng Tài chính kế toán, Trưởng các đơn vị thuộc và trực thuộc Trường, cá nhân và sinh viên có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định./. E

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Lưu: VT, CTSV.



QUY ĐỊNH

**Đánh giá kết quả rèn luyện của sinh viên và
 Bảng điểm đánh giá kết quả rèn luyện sinh viên đối với sinh viên
 Trường Đại học Y Dược Cần Thơ**
*(Ban hành kèm Quyết định số 3459/QĐ-DHYDCT ngày 17 tháng 10 năm 2023
 của Hiệu trưởng Trường Đại học Y Dược Cần Thơ)*

Chương I **QUY ĐỊNH CHUNG**

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Quy chế này quy định việc đánh giá kết quả rèn luyện (ĐGKQRL) của sinh viên được đào tạo trình độ đại học, bao gồm: ĐGKQRL và khung điểm; phân loại và quy trình đánh giá; tổ chức đánh giá và sử dụng kết quả; tổ chức thực hiện

2. Quy chế này áp dụng đối với sinh viên được đào tạo trình độ đại học hệ chính quy và liên thông chính quy, lưu học sinh đào tạo theo chương trình tiếng Việt đang theo học tại Trường Đại học Y Dược Cần Thơ.

Điều 2. Nguyên tắc đánh giá kết quả rèn luyện của sinh viên

1. Thực hiện nghiêm túc quy trình và các tiêu chí đánh giá được quy định tại quy chế này; đảm bảo khách quan, công khai, công bằng, chính xác.

2. Đảm bảo yếu tố bình đẳng, dân chủ, tôn trọng quyền làm chủ của sinh viên.

3. Phối hợp đồng bộ, chặt chẽ các bộ phận, các đơn vị có liên quan trong Nhà trường tham gia công tác ĐGKQRL của sinh viên.

Điều 3. Nội dung đánh giá và thang điểm

1. Xem xét, ĐGKQRL là đánh giá ý thức, thái độ của sinh viên theo mức điểm đạt được trên các mặt:

a) Ý thức tham gia học tập;

b) Ý thức chấp hành nội quy, quy chế, quy định trong Trường;

c) Ý thức tham gia các hoạt động chính trị, xã hội, văn hoá, văn nghệ, thể thao, phòng chống tội phạm và các tệ nạn xã hội;

d) Ý thức công dân trong quan hệ cộng đồng;

đ) Ý thức và kết quả tham gia công tác cán bộ lớp, các đoàn thể, tổ chức khác trong Trường hoặc sinh viên đạt được thành tích đặc biệt trong học tập, rèn luyện.

2. Điểm rèn luyện được đánh giá bằng thang điểm 100.

Chương II

CÁC TIÊU CHÍ ĐÁNH GIÁ VÀ KHUNG ĐIỂM

Điều 4. Đánh giá về ý thức tham gia học tập

1. Các tiêu chí để xác định điểm đánh giá:

a) Ý thức và thái độ trong học tập;

b) Ý thức và thái độ tham gia các câu lạc bộ học thuật, các hoạt động học thuật, hoạt động ngoại khoá, hoạt động nghiên cứu khoa học;

c) Ý thức và thái độ tham gia các kỳ thi, cuộc thi;

d) Tinh thần vượt khó, phấn đấu vươn lên trong học tập;

đ) Kết quả học tập.

2. Khung điểm đánh giá từ 0 đến 20 điểm.

Điều 5. Đánh giá về ý thức chấp hành nội quy, quy chế, quy định trong Trường

1. Các tiêu chí để xác định điểm đánh giá:

a) Ý thức chấp hành các văn bản chỉ đạo của ngành, của cơ quan chỉ đạo cấp trên được thực hiện trong cơ sở giáo dục đại học;

b) Ý thức chấp hành các nội quy, quy chế và các quy định khác được áp dụng trong cơ sở giáo dục đại học.

2. Khung điểm đánh giá từ 0 đến 25 điểm.

Điều 6. Đánh giá về ý thức tham gia các hoạt động chính trị, xã hội, văn hoá, văn nghệ, thể thao, phòng chống tội phạm và các tệ nạn xã hội

1. Các tiêu chí để xác định điểm đánh giá:

a) Ý thức và hiệu quả tham gia các hoạt động rèn luyện về chính trị, xã hội, văn hoá, văn nghệ, thể thao;

b) Ý thức tham gia các hoạt động công ích, tình nguyện, công tác xã hội;

c) Tham gia tuyên truyền, phòng chống tội phạm và các tệ nạn xã hội.

2. Khung điểm đánh giá từ 0 đến 20 điểm.

Điều 7. Đánh giá về ý thức công dân trong quan hệ cộng đồng

1. Các tiêu chí để xác định điểm đánh giá:

a) Ý thức chấp hành và tham gia tuyên truyền các chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước trong cộng đồng;

b) Ý thức tham gia các hoạt động xã hội có thành tích được ghi nhận, biểu dương, khen thưởng;

c) Có tinh thần chia sẻ, giúp đỡ người thân, người có khó khăn, hoạn nạn.

2. Khung điểm đánh giá từ 0 đến 25 điểm.

24/

Điều 8. Đánh giá về ý thức và kết quả khi tham gia công tác cán bộ lớp, các đoàn thể, tổ chức trong Trường hoặc đạt được thành tích đặc biệt trong học tập, rèn luyện

1. Các tiêu chí để xác định điểm đánh giá:

a) Ý thức, tinh thần, thái độ, uy tín và hiệu quả công việc của sinh viên được phân công quản lý lớp, các tổ chức Đảng, Đoàn thanh niên, Hội sinh viên và các tổ chức khác trong Nhà trường;

b) Kỹ năng tổ chức, quản lý lớp, quản lý các tổ chức Đảng, Đoàn thanh niên, Hội sinh viên và các tổ chức khác trong Trường;

c) Hỗ trợ và tham gia tích cực vào các hoạt động chung của lớp, tập thể, Khoa và Nhà trường;

d) Sinh viên đạt được các thành tích đặc biệt trong học tập, rèn luyện.

2. Khung điểm đánh giá từ 0 đến 10 điểm.

**Chương III
CÔNG TÁC ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ RÈN LUYỆN**

Điều 9. Phân loại kết quả rèn luyện

Kết quả rèn luyện	Phân loại
Từ 90 đến 100 điểm	Loại Xuất sắc
Từ 80 đến dưới 90 điểm	Loại Tốt
Từ 65 đến dưới 80 điểm	Loại Khá
Từ 50 đến dưới 65 điểm	Loại Trung bình
Từ 35 đến dưới 50 điểm	Loại Yếu
Dưới 35 điểm	Loại Kém

Điều 10. Phân loại để đánh giá

1. Sinh viên bị kỷ luật mức khiển trách ở học kỳ nào, ĐGKQRL không vượt quá loại Khá.

2. Sinh viên bị kỷ luật mức cảnh cáo ở học kỳ nào, ĐGKQRL không vượt quá loại Trung Bình.

3. Sinh viên bị kỷ luật đình chỉ học tập có thời hạn không được ĐGKQRL trong học kỳ vi phạm và trong thời hạn chấp hành kỷ luật. Điểm rèn luyện toàn khoá không vượt quá loại Khá.

4. Sinh viên bị kỷ luật mức buộc thôi học không được ĐGKQRL.

5. Sinh viên không tự đánh giá kết quả rèn luyện thì nhận điểm 0 ở học kỳ không đánh giá.

6. Sinh viên hoàn thành chương trình học và tốt nghiệp chậm so với quy định của khoá học thì tiếp tục được đánh giá kết quả rèn luyện trong suốt thời gian đang hoàn thành bổ sung chương trình học và tốt nghiệp, tuỳ thuộc vào nguyên nhân để quy định mức đánh giá rèn luyện tại kỳ bổ sung. Sinh viên hoàn thành chương trình học và tốt nghiệp chậm hơn 02 học kỳ trở lên so với quy định nếu đạt kết quả rèn luyện toàn khoá Xuất sắc hoặc Tốt sẽ bị hạ 1 bậc xếp loại rèn luyện cuối khoá.

7. Sinh viên khuyết tật, tàn tật, mồ côi cả cha lẫn mẹ, thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo có xác nhận của địa phương theo quy định đối với hoạt động rèn luyện không có khả năng tham gia hoặc đáp ứng yêu cầu chung thì được ưu tiên, động viên, khuyến khích, cộng điểm khi ĐGKQRL qua sự nỗ lực và tiến bộ của sinh viên tuỳ thuộc vào đối tượng và hoàn cảnh cụ thể.

8. Sinh viên nghỉ học tạm thời được bảo lưu kết quả rèn luyện và sẽ được đánh giá kết quả rèn luyện khi tiếp tục trở lại học tập theo quy định.

9. Sinh viên chuyển đến học tại Trường nếu được sự đồng ý của Hiệu trưởng hai trường thì được bảo lưu kết quả rèn luyện tại trường đã theo học và sẽ được tiếp tục ĐGKQRL ở các học kỳ tiếp theo.

Điều 11. Quy trình đánh giá kết quả rèn luyện

1. Cuối mỗi học kỳ, Trường ban hành Kế hoạch đánh giá điểm rèn luyện quy định cụ thể mốc thời gian thực hiện việc ĐGKQRL của từng cá nhân, đơn vị.

2. Sinh viên căn cứ vào kết quả rèn luyện của bản thân, tự đánh giá theo mức điểm chi tiết do Trường quy định (thực hiện trực tuyến trên cổng thông tin sinh viên).

3. Ban cán sự lớp, Cố vấn học tập, Trợ lý Công tác sinh viên (CTSV) Khoa/Bộ môn Y học cổ truyền (YHCT), lần lượt đánh giá và duyệt lại điểm rèn luyện cho sinh viên trên cơ sở sinh viên tự đánh giá và minh chứng kèm theo. Trợ lý CTSV khoa/bộ môn YHCT trình Ban chủ nhiệm Khoa/Bộ môn YHCT duyệt kết quả ĐGKQRL và công nhận cấp khoa/bộ môn YHCT (thực hiện trực tuyến trên hệ thống quản trị).

4. Phòng CTSV duyệt lại điểm rèn luyện cho sinh viên trên cơ sở kết quả của Khoa/Bộ môn YHCT và minh chứng kèm theo. Tổng hợp và trình kết quả lên Hội đồng ĐGKQRL cấp trường (thực hiện trực tuyến trên hệ thống quản trị).

5. Hội đồng ĐGKQRL cấp trường họp xét, thống nhất trình Hiệu trưởng xem xét và quyết định công nhận kết quả.

6. Kết quả đánh giá, phân loại rèn luyện của sinh viên phải được công bố công khai và thông báo cho sinh viên biết trước 07 ngày trước khi công nhận kết quả chính thức.

Chương IV
TỔ CHỨC ĐÁNH GIÁ VÀ SỬ DỤNG KẾT QUẢ ĐÁNH GIÁ

Điều 12. Hội đồng đánh giá kết quả rèn luyện của sinh viên

Hội đồng ĐGKQRL cấp Trường

1) Thẩm quyền thành lập

Hội đồng cấp Trường do Hiệu trưởng hoặc Phó Hiệu trưởng được Hiệu trưởng ủy quyền ký Quyết định thành lập Hội đồng cấp Trường. Hội đồng cấp Trường được thành lập theo năm học và tự giải tán sau khi kết thúc năm học đó.

2) Thành phần Hội đồng cấp Trường bao gồm:

- Chủ tịch Hội đồng: Hiệu trưởng hoặc Phó Hiệu trưởng được Hiệu trưởng ủy quyền.

- Thường trực Hội đồng: Trưởng phòng Công tác sinh viên.

- Các ủy viên: Đại diện lãnh đạo Khoa/Bộ môn YHCT, các đơn vị có liên quan, Đoàn thanh niên và Hội sinh viên cấp Trường.

3) Nhiệm vụ của Hội đồng cấp Trường:

- Tư vấn giúp Hiệu trưởng xem xét, công nhận kết quả rèn luyện của sinh viên toàn trường và chịu sự chỉ đạo trực tiếp của Hiệu trưởng.

- Căn cứ vào các quy định hiện hành, trên cơ sở đề nghị của các Trưởng khoa, tiến hành xem xét, đánh giá kết quả rèn luyện của sinh viên từng Khoa, đề nghị Hiệu trưởng công nhận.

Điều 13. Thời gian và kết quả đánh giá

1. Việc ĐGKQRL của sinh viên được tiến hành định kỳ theo từng học kỳ, năm học và toàn khoá học.

2. Điểm rèn luyện (ĐRL) của học kỳ là tổng điểm đạt được của 05 nội dung đánh giá chi tiết của Trường.

3. ĐRL của năm học là trung bình cộng của ĐRL các học kỳ của năm học đó.

4. ĐRL toàn khoá học là trung bình cộng của điểm rèn luyện các học kỳ của khoá học.

Điều 14. Sử dụng kết quả

1. Kết quả đánh giá rèn luyện từng học kỳ, năm học và khoá học của sinh viên được lưu trong hồ sơ quản lý sinh viên của Trường, được sử dụng trong việc xét duyệt học bỗng, xét khen thưởng - kỷ luật, xét thôi học, ngừng học, xét điều kiện thi tốt nghiệp và xét tốt nghiệp.

2. Kết quả đánh giá rèn luyện từng học kỳ, năm học, toàn khoá học được ghi chung vào bảng điểm kết quả học tập và lưu trong hồ sơ của sinh viên khi tốt nghiệp ra trường.



3. Sinh viên có kết quả rèn luyện xuất sắc được Nhà trường xem xét biểu dương, khen thưởng.

4. Sinh viên bị xếp loại rèn luyện yếu, kém trong hai học kỳ liên tiếp thì phải tạm ngừng học ít nhất một học kỳ ở học kỳ tiếp theo và nếu bị xếp loại rèn luyện yếu, kém hai học kỳ liên tiếp lần thứ hai thì sẽ bị buộc thôi học.

Điều 15. Quyền khiếu nại

Sinh viên có quyền khiếu nại lên các phòng, ban chức năng hoặc Hiệu trưởng nếu thấy việc đánh giá kết quả rèn luyện chưa chính xác. Khi nhận được đơn khiếu nại, Trường có trách nhiệm giải quyết, trả lời theo quy định của pháp luật về khiếu nại. *✓*



BẢNG ĐIỂM ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ RÈN LUYỆN SINH VIÊN

(Căn cứ Quy định Đánh giá kết quả rèn luyện của sinh viên bậc đại học, ban hành kèm theo Quyết định số
 3459/QĐ-ĐHYDCT ngày 17 tháng 10 năm của Hiệu trưởng Trường Đại học Y Dược Cần Thơ)

Họ tên sinh viên: MSSV:

Lớp: Khoa:

Học kỳ: Năm học:

TT	NỘI DUNG ĐÁNH GIÁ	Mức điểm	Điểm đánh giá		
			SV	Lớp	Khoa
	Tiêu chí 1. Đánh giá về ý thức tham gia học tập				
	Các tiêu chí để xác định điểm đánh giá				
	Điểm cộng				
1.1	Đi học đầy đủ, đúng giờ, nghiêm túc trong giờ học lý thuyết, thực hành cơ sở, thực tập bệnh viện, trực bệnh viện	3đ			
1.2	Nghiên cứu khoa học (NCKH) (Chỉ xét cho một năm học kể từ thời điểm có quyết định nghiệm thu đề tài hoặc đăng báo)				
	- Có tên trong Quyết định giao đề tài NCKH (chỉ xét cho một học kỳ trong thời gian có quyết định)	2đ			
	- Có tham gia đề tài NCKH đã được nghiệm thu	5đ			
	- Đạt giải I, II, III về hoạt động NCKH hoặc Chủ nhiệm đề tài NCKH đã được nghiệm thu	10đ			
	- Tác giả chính bài báo trong nước trong hoạt động NCKH	5đ			
	- Tác giả chính bài báo quốc tế trong hoạt động NCKH	10đ			
	- Đồng tác giả bài báo trong nước trong hoạt động NCKH	2đ			
	- Đồng tác giả bài báo quốc tế trong hoạt động NCKH	5đ			
1.3	Hoàn thành chứng chỉ ngoại ngữ, tin học (Chỉ xét cho 1 học kỳ trong thời gian nhận chứng chỉ)				
	- Chứng chỉ ngoại ngữ bậc 1, 2 (khung Châu Âu)	2đ			
	- Chứng chỉ ngoại ngữ bậc 3, 4 (khung Châu Âu)	4đ			
	- Chứng chỉ ngoại ngữ bậc 5, 6 (khung Châu Âu)	8đ			
	- Chứng chỉ ngoại ngữ, chứng nhận TOEFL ≥ 500 điểm; IELTS ≥ 5.0	10đ			
	- Chứng chỉ tin học cơ bản	2đ			
	- Chứng chỉ tin học nâng cao	5đ			

TT	NỘI DUNG ĐÁNH GIÁ	Mức điểm	Điểm đánh giá		
			SV	Lớp	Khoa
1.4	Tham gia các kỳ thi chuyên ngành, thi Olympic, khởi nghiệp				
	- Có tham gia kỳ thi: + Cấp Trường + Cấp cao hơn - Đạt giải cấp Trường - Đạt giải cấp cao hơn	2đ 5đ 5đ 10đ			
1.5	Thành viên câu lạc bộ, đội nhóm về học tập và nghiên cứu khoa học	2đ			
1.6	Không vi phạm quy chế về thi, kiểm tra	3đ			
1.7	Cố gắng, vượt khó trong học tập (ĐTB học kỳ sau lớn hơn học kỳ trước đó và ĐTB ≥ 3.0 và không có học phần điểm F (trường hợp 2 học kỳ sinh viên đều đạt điểm 4.0 thì vẫn được ghi nhận đánh giá cộng điểm); đối với SV năm nhất, học kỳ đầu tiên đạt ĐTB $>= 3.0$ và không có học phần điểm F).	2đ			
1.8	- ĐTB chung học kỳ đạt ≥ 3.60 - ĐTB chung học kỳ đạt từ 3.20 đến 3.59 - ĐTB chung học kỳ đạt từ 2.50 đến 3.1	10đ 8đ 6đ			
	Điểm trừ				
1.9	SV bị trừ điểm trong các trường hợp: - Vắng không phép các buổi sinh hoạt, tập huấn chuyên đề - Bị cấm thi - Vi phạm vi chế về thi, kiểm tra (có biên bản)	-5đ/lần -3đ/lần -5đ/lần			
	Mức điểm tối đa Tiêu chí 1	20			
	Tiêu chí 2. Đánh giá về ý thức và kết quả chấp hành nội quy, quy chế, quy định trong Trường				
	Các tiêu chí để xác định điểm đánh giá				
	Điểm cộng				
2.1	Không vi phạm và có ý thức tham gia thực hiện nghiêm túc các quy định của Lớp, nội quy, quy chế của Trường, Khoa và các tổ chức trong Trường.	15đ			
2.2	Thực hiện nghiêm túc các buổi họp lớp, sinh hoạt đoàn thể	5đ			
2.3	- Tham gia đầy đủ các buổi lao động vệ sinh, trực gác do Trường phân công: + Cấp khoa, bộ môn thuộc Trường, phòng ban, trung tâm (có xác nhận và đóng mộc): 2đ/lần + Cấp Trường (có kế hoạch do Hiệu trưởng ký và xác nhận của Trường): 5đ/lần	Tối đa 10đ			



TT	NỘI DUNG ĐÁNH GIÁ	Mức điểm	Điểm đánh giá		
			SV	Lớp	Khoa
2.4	Tuyên truyền và tham gia các hoạt động nâng cao ý thức của sinh viên trong việc chấp hành quy chế, nội quy của Trường, tham gia bảo vệ an ninh trật tự, an toàn xã hội trong Trường (tham gia đội thanh niên tình nguyện hoặc đội sinh viên tự quản và có ít nhất 03 hoạt động trở lên/học kỳ)	5đ			
	Điểm trừ				
2.5	<p>SV bị trừ điểm trong các trường hợp:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Vi phạm an ninh, trật tự; an toàn giao thông (có giấy báo của cơ quan hữu quan) - Vắng 01 buổi sinh hoạt lớp, sinh hoạt đoàn thể - Không đóng học phí theo quy định - Học hộ hoặc đi học hộ, điểm danh hoặc điểm danh hộ các buổi học, sinh hoạt, hội thảo do Trường tổ chức - Đánh giá điểm rèn luyện không trung thực, làm giả minh chứng - Không thực hiện quy định về công tác ngoại trú, nội trú - Bị lập biên bản do vi phạm quy định về nếp sống văn minh - Không tham gia các khảo sát - Không hoàn thiện hồ sơ sinh viên theo quy định 	<p>-15đ/lần</p> <p>-5đ/lần</p> <p>-15đ</p> <p>-15đ</p> <p>-15đ</p> <p>-5đ/lần</p> <p>-5đ/lần</p> <p>-5đ/lần</p>			
	Mức điểm tối đa Tiêu chí 2	25			
	Tiêu chí 3. Đánh giá về ý thức tham gia các hoạt động chính trị, xã hội, văn hoá, văn nghệ, thể thao, phòng chống tội phạm và các tệ nạn xã hội				
	Các tiêu chí để xác định điểm đánh giá				
	Điểm cộng				
3.1	Tham gia đầy đủ và có kết quả đánh giá đạt bài thu hoạch (trong lần 1) trong Tuần sinh hoạt công dân đầu năm học	10			
3.2	<p>Tham gia các hoạt động chính trị, xã hội, văn hoá, văn nghệ, thể thao:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Cấp Trường: 3đ/hoạt động - Cấp khoa, bộ môn thuộc Trường, CLB, đội, nhóm: 1đ/hoạt động 	Tối đa 6 điểm			
3.3	<p>Là thành viên ban tổ chức các hoạt động:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Cấp Trường: 3đ/hoạt động - Cấp khoa, bộ môn thuộc Trường, CLB, đội, nhóm: 1đ/hoạt động 	Tối đa 6 điểm			

TT	NỘI DUNG ĐÁNH GIÁ	Mức điểm	Điểm đánh giá		
			SV	Lớp	Khoa
3.4	Là lực lượng nòng cốt trong các phong trào: - Cấp Trường - Cấp Khoa (và tương đương), bộ môn thuộc Trường - Cấp Lớp	6 4 2			
3.5	Nhận được chứng nhận danh hiệu Thanh niên khoẻ	3			
3.6	Tham gia xây dựng đóng góp cho Trường, quảng bá hình ảnh Trường thông qua hoạt động: tư vấn tuyển sinh, một ngày làm CTUMPER	5			
3.7	Tham gia tuyên truyền, phòng chống ma túy và các tệ nạn xã hội khác	3			
Điểm trừ					
3.8	SV bị trừ điểm trong các trường hợp: - Vắng 01 buổi sinh hoạt Tuần sinh hoạt công dân - Kết quả bài kiểm tra Tuần sinh hoạt công dân không đạt - Đăng ký nhưng không tham dự hoạt động đã đăng ký - Vắng 01 buổi sinh hoạt, tập huấn do Trường điều động	-5đ/lần -10đ/lần -5đ/lần -5đ/lần			
Mức điểm tối đa Tiêu chí 3		20			
Tiêu chí 4. Đánh giá về ý thức công dân trong quan hệ cộng đồng					
Điểm cộng					
4.1	Ý thức chấp hành các chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước	10đ			
4.2	Có mối quan hệ đúng mức với Thầy/Cô, cán bộ, nhân viên Trường và Có mối quan hệ tốt với bạn bè trong lớp và mọi người xung quanh	5đ			
4.3	Tham gia hiến máu nhân đạo	10đ			
4.4	Tham gia hoạt động tình nguyện ngoài cộng đồng do Trường tổ chức (có kế hoạch): - Cấp Trường: 5đ/hoạt động - Cấp Khoa, bộ môn thuộc Trường, CLB, đội, nhóm: 2đ/hoạt động - Được khen thưởng: 5đ	Tối đa 10đ			
Điểm trừ					
4.5	SV bị trừ điểm trong các trường hợp: - Phát ngôn không chuẩn mực trên mạng xã hội - Gây rối, làm mất an ninh chính trị xã hội - Vi phạm quy định địa phương nơi cư trú	-10đ -10đ -10đ			
Mức điểm tối đa Tiêu chí 4		20			



TT	NỘI DUNG ĐÁNH GIÁ	Mức điểm	Điểm đánh giá		
			SV	Lớp	Khoa
	Tiêu chí 5. Đánh giá về ý thức và kết quả khi tham gia công tác cán bộ lớp, các đoàn thể, tổ chức trong Trường hoặc đạt được thành tích đặc biệt trong học tập, rèn luyện				
	Điểm cộng				
5.1	<p>Chọn chức vụ cao nhất để tính điểm:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Lớp trưởng; Bí thư Chi đoàn; Ủy viên BCH đoàn thể cấp cao hơn Chi đoàn; BCH Hội sinh viên Trường; Liên Chi hội trưởng; Chi hội trưởng; Đội trưởng hoặc Chủ nhiệm các Đội, Nhóm, Câu lạc bộ từ cấp khoa và tương đương - Là thành viên của Ban Cán sự lớp, Ban Chấp hành chi đoàn, Ban chấp hành Liên Chi hội SV, Chi hội SV Trường (trừ các thành viên ở trên) - Được phân công phụ trách tổ/ nhóm học tập 	10đ 7đ 3đ			
5.2	<p>Tích cực tham gia hỗ trợ các hoạt động, phong trào của cấp Khoa, sự kiện chung của Trường có xác nhận của đơn vị tổ chức sự kiện:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Cấp Trường: 3đ/hoạt động - Cấp khoa, bộ môn thuộc Trường, CLB, đội, nhóm: 1đ/hoạt động 	Tối đa 6đ			
5.3	<p>Tích cực trong công tác Đoàn thể:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Được kết nạp Đảng, hoặc được công nhận Đoàn viên ưu tú - Đạt danh hiệu Sinh viên 5 tốt cấp trường trở lên - Phân loại Đảng viên được xếp loại mức 2 trở lên 	5 5 5			
5.4	<p>Đạt thành tích đặc biệt trong học tập, rèn luyện:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Quyết định khen thưởng hoặc giấy khen cao hơn cấp Trường - Quyết định khen thưởng hoặc giấy khen cấp Trường - Quyết định khen thưởng hoặc giấy khen của Khoa (và tương đương), bộ môn thuộc Trường 	10 8 5			
	Điểm trừ				
5.5	<p>SV bị trừ điểm trong các trường hợp:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Cán bộ lớp, đoàn, hội không thực hiện nhiệm vụ được phân công, không tham gia các cuộc họp theo thông báo huy động của Khoa, Trường. - Phân loại Đảng viên được xếp loại mức 4 	-5đ/lần -10đ			